

## **KHUNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

### **Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất**

Khung chuẩn đầu ra của tiêu chuẩn 1 gồm 6 tiêu chí được xác định như sau:

#### ***Tiêu chí 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước***

Tiêu chí 1 gồm 3 chỉ báo:

- Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường.
- Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước.
- Yêu quê hương, yêu đất nước; giữ gìn và bảo vệ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

#### ***Tiêu chí 2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh***

Tiêu chí 2 gồm 3 chỉ báo:

- Tôn trọng, thừa nhận và tin tưởng vào khả năng học tập và sự thay đổi tích cực của học sinh.
- Yêu thương học sinh; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ học sinh trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.
- Cam kết nuôi dưỡng và phát huy tiềm năng của từng học sinh; tư vấn, hỗ trợ học sinh quyết định hướng đi của cuộc đời mình.

#### ***Tiêu chí 3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học***

Tiêu chí 3 gồm 3 chỉ báo:

- Nhận thức được ba giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề dạy học trong thời đại hiện nay là: giá trị liên quan đến người học; ý nghĩa tác động sư phạm của giáo dục; trách nhiệm giáo dục mà xã hội giao phó.
- Yêu nghề, tận tâm với nghề.
- Tạo dựng được niềm tin và tự hào về nghề dạy học.

#### ***Tiêu chí 4: Trung thực và đáng tin cậy***

Tiêu chí 4 gồm 3 chỉ báo:

- Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải.
- Trung thực trong học tập và trong cuộc sống; đấu tranh với các hành vi gian lận, vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
- Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng.

#### ***Tiêu chí 5: Trách nhiệm và tận tâm***

Tiêu chí 5 gồm 5 chỉ báo:

- Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.

- Có ý thức tự đánh giá để xây dựng kế hoạch cá nhân.
- Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt khó trong học tập.
- Tôn trọng, thừa nhận sự khác biệt giữa mọi người về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.
- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

***Tiêu chí 6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời***

Tiêu chí 6 gồm 3 chỉ báo:

- Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với người giáo viên. Qua đó, có ý thức trở thành người *biết suy nghĩ, phải suy nghĩ và được quyền suy nghĩ*.
- Coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học, tự nghiên cứu suốt đời để phục vụ cho cuộc sống hiện tại và tương lai của chính người học.
- Nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học, tự nghiên cứu phù hợp để đạt được mục đích.

**Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung**

Khung chuẩn đầu ra của tiêu chuẩn 2 gồm 6 tiêu chí được xác định như sau:

***Tiêu chí 1: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi***

Tiêu chí 1 gồm 5 chỉ báo:

- Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
- Tự điều chỉnh được xúc cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng.
- Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng với các yếu tố mới, hoạt động mới, môi trường sống mới.
- Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới cũng như thích ứng được với các mối quan hệ xã hội.
- Hình thành và sử dụng được hệ thống kỹ năng (cơ bản và kỹ năng mềm) trong ứng xử với sự đa dạng và thay đổi.

***Tiêu chí 2: Năng lực giao tiếp và hợp tác***

Tiêu chí 2 gồm 9 chỉ báo:

- Sử dụng được tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn.
- Xác định được mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và thái độ giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội.
- Thực hiện được các yêu cầu của giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh, cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng.
- Thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ hợp tác trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.
- Thực hiện được hoạt động nhóm hiệu quả.
- Thể hiện được sự tôn trọng những khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm trong giao tiếp.
- Có những hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.
- Có chứng chỉ đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ: Hoặc cấp độ B1 của Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương; Hoặc bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

### ***Tiêu chí 3: Năng lực lãnh đạo***

Tiêu chí 3 gồm 3 chỉ báo:

- Ý thức được sự lãnh đạo là phục vụ xã hội một cách chính đáng và chuyên nghiệp.
- Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.
- Xác định được nhu cầu và khả năng của người khác để thu hút, thuyết phục, dẫn dắt và tổ chức trong công việc.

### ***Tiêu chí 4: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo***

Tiêu chí 4 gồm 6 chỉ báo:

- Đưa ra được ý tưởng mới.
- Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác.
- Hình thành và triển khai được ý tưởng mới.
- Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.
- Thiết kế và tổ chức được hoạt động; thực hiện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.
- Đánh giá được giải pháp đã thực hiện; phản ánh được giá trị của giải pháp; khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.

### ***Tiêu chí 5: Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội***

Tiêu chí 5 gồm 3 chỉ báo:

- Có hiểu biết cơ bản về nền văn hoá dân tộc và những vấn đề kinh tế – xã hội quan trọng của đất nước.
- Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sống tinh thần phong phú và lối sống có văn hoá phù hợp với chuẩn mực xã hội, phù hợp với môi trường nhà trường.
- Thiết kế và tổ chức được các hoạt động xây dựng môi trường văn hoá nhà trường để hỗ trợ, thúc đẩy học tập.

### ***Tiêu chí 6: Năng lực phản biện***

Tiêu chí 6 gồm 3 chỉ báo:

- Có tư duy độc lập.
- Phân tích và đánh giá được thông tin đã có theo cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định được tính chính xác của thông tin.
- Lập luận phản bác có cơ sở khoa học đối với kết quả của một quá trình tư duy để xác định lại tính chính xác của kết luận.

### **Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm**

Khung chuẩn đầu ra của tiêu chuẩn 3 gồm 5 tiêu chí được xác định như sau:

#### ***Tiêu chí 1: Năng lực dạy học***

Tiêu chí 1 gồm 9 chỉ báo:

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa.
- Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả.
- Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) dạy học tích hợp, dạy học phân hoá.
- Xây dựng được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục.
- Tổ chức được các hoạt động học tập của học sinh; vận dụng được các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học của học sinh.
- Tổ chức và quản lý được lớp học, tạo dựng được môi trường học tập hiệu quả trong giờ học.
- Hỗ trợ được những học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập.
- Đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh; góp phần hoàn thiện những công dân có trình độ văn hoá và khả năng sáng tạo cao.
- Xây dựng, quản lý và khai thác được hồ sơ dạy học.

#### ***Tiêu chí 2: Năng lực giáo dục***

Tiêu chí 2 gồm 9 chỉ báo:

- Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, thể chất thông qua việc giảng dạy môn học và tích hợp được các nội dung giáo dục trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá theo kế hoạch đã xây dựng.
- Xây dựng và tổ chức được những hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.
- Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào tình huống sư phạm cụ thể, phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.

- Xử lí được các tình huống giáo dục, đặc biệt là những hành vi không mong đợi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục.
- Có khả năng phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.
- Có khả năng tư vấn, tham vấn cho học sinh.
- Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động xã hội... theo kế hoạch đã xây dựng.
- Đánh giá được kết quả rèn luyện của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh.
- Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp.

### ***Tiêu chí 3: Năng lực định hướng sự phát triển học sinh***

Tiêu chí 3 gồm 3 chỉ báo:

- Nhận diện được đặc điểm cá nhân và điều kiện, hoàn cảnh sống (về văn hoá, xã hội) của học sinh; dự báo được xu hướng phát triển của học sinh.
- Hỗ trợ được học sinh xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân; theo dõi và có giải pháp giúp học sinh thực hiện những kế hoạch đó.
- Hỗ trợ được học sinh tự đánh giá và điều chỉnh.

### ***Tiêu chí 4: Năng lực hoạt động xã hội***

Tiêu chí 4 gồm 3 chỉ báo:

- Tham gia, tổ chức và thực hiện được các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học và giáo dục học sinh.
- Thực hiện được những hoạt động phát triển văn hoá – xã hội nói chung và ở địa phương nơi nhà trường cư trú nói riêng.
- Vận động được người khác tham gia các hoạt động của cộng đồng, của các tổ chức chính trị – xã hội trong nhà trường và ở địa phương (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, các hiệp hội khoa học, nghề nghiệp...).

### ***Tiêu chí 5: Năng lực phát triển nghề nghiệp***

Tiêu chí 5 gồm 4 chỉ báo:

- Lập và triển khai được mục tiêu, kế hoạch chi tiết, cụ thể của cá nhân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
- Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp, kĩ thuật phù hợp trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
- Tìm kiếm, tổng hợp và khai thác được các nguồn tài nguyên đa dạng (sách, báo, các phương tiện thông tin) phục vụ cho hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
- Tự đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

**Tiêu chuẩn 4: Năng lực ngành tiếng Pháp bao gồm 6 tiêu chí, 18 chỉ báo, 52 thể hiện**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Chỉ báo</b>	<b>Thể hiện</b>	
<b>Tiêu chí 1: Năng lực ngôn ngữ Pháp</b>	<b>1.1. Sử dụng tiếng Pháp (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</b>	1.1.1. Hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng.	
		1.1.2. Diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt.	
		1.1.3. Viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết.	
	<b>1.2. Xác định rõ hệ thống ngôn ngữ và kết cấu ngôn ngữ tiếng Pháp.</b>	1.2.1. Nhận biết được các thành tố trong hệ thống ngôn ngữ tiếng Pháp (từ cấp độ từ đến cấp độ văn bản).	
		1.2.2. Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ phù hợp để đạt được mục tiêu giao tiếp.	
	<b>1.3. Phân biệt và so sánh các hiện tượng ngôn ngữ trong tiếng Pháp và tiếng Việt.</b>	1.3.1. Phân biệt các hiện tượng ngôn ngữ trong tiếng Pháp và tiếng Việt.	
		1.3.2. Nhận biết các đặc điểm giống và khác nhau trong tiếng Pháp và tiếng Việt.	
		1.3.3. Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ tương thích trong các tình huống giao tiếp liên văn hoá.	
<b>Tiêu chí 2: Năng lực sử dụng các kiến thức văn hoá, xã hội vào thực tiễn</b>	<b>2.1. Hiểu kiến thức văn hoá Việt Nam và văn hoá các nước Pháp ngữ.</b>	2.1.1. Nhận biết được các hiện tượng văn hoá, xã hội đặc thù của Việt Nam và của cộng đồng Pháp ngữ.	
		2.1.2. Trình bày rõ ràng những vấn đề văn hoá xã hội Việt Nam và cộng đồng Pháp ngữ.	
	<b>2.2. Vận dụng kiến thức chuyên môn, văn hoá tiếng Pháp và tiếng Việt vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống.</b>	2.2.1. Giải thích được các hiện tượng văn hoá, xã hội Việt Nam và cộng đồng Pháp ngữ.	
		2.2.2. Sử dụng một cách phù hợp các hiện tượng văn hoá, xã hội Việt Nam và cộng đồng Pháp ngữ trong các tình huống giao tiếp và nghề nghiệp cụ thể.	
		2.2.3. So sánh, đánh giá các hiện tượng văn hoá, xã hội Pháp – Việt trong đời sống và thực tiễn nghề nghiệp.	
	<b>2.3. Thích nghi với</b>	2.3.1. Thể hiện sự hiểu biết, khoan dung,	

Tiêu chí	Chỉ báo	Thể hiện
	<i>sự đa dạng văn hoá trong đời sống.</i>	<p>tôn trọng những khác biệt trong văn hoá, ngôn ngữ của các nước Pháp ngữ.</p> <p>2.3.2. Thích nghi và hoà nhập được với môi trường văn hoá mới.</p>
<p><b>Tiêu chí 3: Năng lực giảng dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ</b></p>	<p><b>3.1. Hiểu về chương trình môn Tiếng Pháp ở các cấp học.</b></p> <p><b>3.2. Xác định các đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Tiếng Pháp.</b></p>	<p>3.1.1. Trình bày chính xác những nội dung cơ bản trong chương trình môn Tiếng Pháp phổ thông như: <del>quan điểm xây dựng chương trình; mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù; nội dung khái quát và nội dung cụ thể; phương pháp dạy học và đánh giá.</del></p> <p>3.1.2. Giải thích rõ ràng, đúng bản chất cấu trúc nội dung của chương trình môn Tiếng Pháp phổ thông trong một <i>chỉnh thể thống nhất</i> của chương trình môn Tiếng Pháp (<del>sự phát triển của từng mạch nội dung trong chương trình môn Tiếng Pháp phổ thông và mối liên kết giữa các mạch nội dung đó.</del>).</p> <p>3.1.3. Trình bày được một cách chính xác những vấn đề lí luận cơ bản về dạy học phát triển năng lực cho học sinh trong chương trình môn Tiếng Pháp phổ thông.</p> <p>3.1.4. Xây dựng và triển khai được một số bài soạn cụ thể nhằm phát triển năng lực cho học sinh trong những tình huống dạy học điển hình.</p> <p>3.2.1. Giải thích được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Tiếng Pháp phổ thông đáp ứng mục tiêu dạy học môn Tiếng Pháp ở trường phổ thông.</p> <p>3.2.2. Giải thích được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Tiếng Pháp phổ thông đáp ứng những điểm nào cho yêu cầu cần đạt của chương trình.</p> <p>3.2.3. Giải thích được vị trí của từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Tiếng Pháp phổ thông theo lôgic của đường phát triển nội dung trong chương trình môn Tiếng Pháp phổ thông.</p>

<b>Tiêu chí</b>	<b>Chỉ báo</b>	<b>Thể hiện</b>	
	<b>3.3. Lập kế hoạch giảng dạy phù hợp với chương trình.</b>	3.3.1. Xây dựng chương trình dạy học bộ môn theo năm học.	
		3.3.2. Cập nhật, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với yêu cầu thực tiễn.	
	<b>3.4. Thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học trong giảng dạy ngoại ngữ.</b>	3.4.1. Tìm hiểu, xác định mục tiêu, nhu cầu của người học, chương trình đào tạo.	
		3.4.2. Xây dựng các hoạt động và tình huống học tập để đạt mục tiêu.	
		3.4.3. Lựa chọn, phát triển nội dung và phương tiện phù hợp cho các hoạt động dạy học.	
		3.4.4. Thiết kế và triển khai bài giảng.	
	<b>3.5. Lựa chọn và sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong giảng dạy ngoại ngữ.</b>	3.5.1. Hiểu biết về các phương pháp và công cụ trong kiểm tra đánh giá ngoại ngữ.	
		3.5.2. Lựa chọn phương pháp và công cụ phù hợp để đánh giá năng lực ngoại ngữ cụ thể.	
		3.5.3. Phân tích và xử lý kết quả thu được phục vụ cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học.	
	<b>Tiêu chí 4: Năng lực nghiên cứu khoa học ngôn ngữ và khoa học giáo dục</b>	<b>4.1. Xác định vấn đề nghiên cứu.</b>	4.1.1. Phân tích, đánh giá thực trạng các hoạt động nghề nghiệp.
			4.1.2. Xây dựng các câu hỏi nghiên cứu.
		<b>4.2. Triển khai thực hiện nghiên cứu.</b>	4.2.1. Xây dựng đề cương và giới hạn phạm vi nghiên cứu.
4.2.2. Lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp.			
4.2.3. Sử dụng hiệu quả các phương pháp thu thập phân tích dữ liệu nghiên cứu.			
<b>4.3. Công bố và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.</b>		4.3.1. Viết báo cáo phù hợp theo các tiêu chuẩn khoa học.	
		4.3.2. Trình bày kết quả nghiên cứu trong khuôn khổ các hội thảo, hội nghị, chuyên đề.	
		4.3.3. Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và thực tiễn.	
<b>Tiêu chí 5. Năng lực hiểu, giải thích thấu</b>		<b>5.1. Hiểu và giải thích được một cách hệ thống</b>	5.1.1. Khái quát hoá hệ thống ngôn ngữ tiếng Pháp



<b>Tiêu chí</b>	<b>Chỉ báo</b>	<b>Thể hiện</b>
<b>đáo và vận dụng các kiến thức ngôn ngữ tiếng Pháp vào thực tiễn</b>	<i>các kiến thức và hiện tượng ngôn ngữ Tiếng Pháp</i>	5.1.2. Giải thích rõ ràng và chi tiết các hiện tượng ngôn ngữ Pháp trong các tình huống chuyên môn
	<i>5.2. Sử dụng một cách phù hợp các hiện tượng ngôn ngữ vào thực tiễn</i>	5.2.1. Vận dụng có hiệu quả các yếu tố và hiện tượng ngôn ngữ trong các hoạt động giao tiếp đa dạng. 5.2.2. Vận dụng sáng tạo các yếu tố và hiện tượng ngôn ngữ để tăng tính hiệu quả trong giao tiếp.
<b>Tiêu chí 6: Năng lực sử dụng phương tiện và công nghệ trong hoạt động chuyên môn</b>	<i>6.1. Sử dụng các phương tiện và công nghệ trong nghiên cứu khoa học và phát triển chuyên môn.</i>	6.1.1. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học trong giảng dạy.
		6.1.2. Sử dụng thành thạo, hiệu quả, phù hợp các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông thông dụng nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả dạy học.
		6.1.3. Ứng xử phù hợp với văn hoá và pháp luật trong môi trường số.
		6.1.4. Biết cách sử dụng các công cụ cơ bản để bảo mật thông tin cá nhân và chuyên môn.
	<i>6.2. Khai thác phát triển học liệu và phương tiện dạy học phù hợp với các phương pháp sư phạm và đối tượng người học.</i>	6.2.1. Khai thác được các dịch vụ tra cứu và trao đổi thông tin, các nguồn học liệu mở để cập nhật kiến thức, hỗ trợ học tập và tự học.
		6.2.2. Nhận biết được tầm quan trọng của thông tin và xử lý thông tin trong xã hội hiện đại, tìm kiếm được thông tin từ nhiều nguồn với các chức năng đơn giản của công cụ tìm kiếm, đánh giá được sự phù hợp của thông tin và dữ liệu đã tìm thấy nhằm hỗ trợ người học trong học tập, tự học và tìm kiếm cơ hội việc làm.
		6.2.3. Thực hiện được các hoạt động hợp tác trong môi trường số như: lựa chọn và sử dụng được các công cụ, các dịch vụ ICT thông dụng để chia sẻ, trao đổi thông tin và hợp tác một cách an toàn; giao lưu được trong xã hội số một cách văn hoá; có khả năng làm việc nhóm, hợp tác được trong việc tạo ra, trình bày và giới thiệu được sản phẩm số,...
<i>6.3. Sử dụng công nghệ thông tin và</i>	6.3.1. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học –	

Tiêu chí	Chỉ báo	Thể hiện
	<i>truyền thông trong dạy học – giáo dục.</i>	<p>giáo dục: soạn được giáo án, soạn được đề kiểm tra, tài liệu hướng dẫn học sinh,... bằng phần mềm hỗ trợ soạn giảng.</p> <p>6.3.2. Sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông thông dụng trong việc trình bày bài giảng, báo cáo, bài thuyết trình.</p> <p>6.3.3. Sử dụng được các phần mềm tương thích để sản xuất học liệu số.</p> <p>6.3.4. Sử dụng các công cụ hỗ trợ giảng dạy giáp mặt.</p> <p>6.3.5. Có những hiểu biết về hệ sinh thái học tập trong kỉ nguyên của cuộc cách mạng 4.0 (Giáo dục 4.0) để tham gia được vào Giáo dục 4.0 trong tương lai.</p>